

Số: **284**/QĐ-VTLTNN

Hà Nội, ngày **16** tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ trên mạng

CỤC TRƯỞNG CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 89/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước trực thuộc Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học và Trường phòng Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ trên mạng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tin học, Trường phòng Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ trung ương, Giám đốc các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Nội vụ (để báo cáo),
- Lãnh đạo Cục (03b),
- Lưu: VT, TTTH (03b)



Vũ Thị Minh Hương

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2010

QUY CHẾ

Giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ trên mạng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-VTLTNN ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ trên mạng của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và mạng của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, đối với các phong/khối tài liệu lưu trữ có nội dung không hạn chế sử dụng, hiện đang bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia nhằm giới thiệu, chỉ dẫn, tra tìm tài liệu lưu trữ.

Điều 2. Mạng cục bộ và mạng diện rộng

1. Mạng máy tính của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước bao gồm:

a) Mạng cục bộ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, khai thác thông tin của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước;

b) Mạng diện rộng, trong đó có các máy chủ được kết nối với bên ngoài, phục vụ công tác quản lý hệ thống thư điện tử, quản lý trang tin điện tử của Cục và quản lý thông tin tài liệu lưu trữ được giới thiệu trên mạng.

2. Mạng máy tính của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia bao gồm:

a) Mạng cục bộ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, khai thác thông tin của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia;

b) Mạng cục bộ phục vụ quản lý và khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu (CSDL) là tập hợp thông tin được biên soạn, sắp xếp có hệ thống theo phương pháp nhất định để có thể truy cập và sử dụng bằng phương tiện kỹ thuật số.

2. Tích hợp dữ liệu là quá trình thu thập, lưu trữ, liên kết các cơ sở dữ liệu; cung cấp và chia sẻ các thông tin; truyền tải các thông tin và các cơ sở dữ liệu.

3. Thông tin tài liệu lưu trữ bao gồm: thông tin cấp I và thông tin cấp II của tài liệu lưu trữ, trong đó thông tin cấp I là thông tin nguyên bản tài liệu gốc và thông tin cấp II là thông tin mô tả tóm tắt, tổng hợp về nội dung, thành phần, địa chỉ của tài liệu.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt

1. Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước phê duyệt thông tin tài liệu lưu trữ được phép giới thiệu trên mạng diện rộng.

2. Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia phê duyệt thông tin tài liệu lưu trữ thuộc thẩm quyền quản lý, được phép giới thiệu trên mạng cục bộ của Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

Điều 5. Chế độ báo cáo, trình duyệt

1. Các Trung tâm Lưu trữ quốc gia có trách nhiệm

a) Báo cáo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về tình hình CSDL của Trung tâm (theo Phụ lục đính kèm) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

b) Trình Cục phê duyệt thông tin tài liệu lưu trữ đã xây dựng CSDL của năm trước, để giới thiệu trên mạng diện rộng trước ngày 01 tháng 7 hàng năm và chuyển giao CSDL cho Trung tâm Tin học để tổ chức giới thiệu trên mạng diện rộng sau khi được phê duyệt;

c) Phê duyệt thông tin tài liệu lưu trữ thuộc thẩm quyền quản lý, đã xây dựng CSDL của năm trước, được phép giới thiệu trên mạng cục bộ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia và báo cáo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước trước ngày 01 tháng 7 hàng năm;

d) Tổ chức phục vụ khai thác sử dụng tài liệu thuộc thẩm quyền quản lý trên mạng cục bộ.

2. Trung tâm Tin học có trách nhiệm

a) Tiếp nhận CSDL thông tin tài liệu lưu trữ từ các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và báo cáo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về tình hình giao, nhận;

b) Chủ trì, phối hợp với các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng các ấn phẩm điện tử, các trang tin điện tử từ các ấn phẩm công bố, giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ đã xuất bản, các cuộc trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ đã được tổ chức, trình Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước phê duyệt để giới thiệu trên mạng diện rộng;

c) Tổ chức giới thiệu thông tin tài liệu lưu trữ đã được phê duyệt trên mạng diện rộng.

Điều 6. Hội đồng thẩm định

1. Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thông tin tài liệu lưu trữ giới thiệu trên mạng diện rộng.

2. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch là Phó Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và các thành viên là đại diện các đơn vị Phòng Nghiệp Văn thư - Lưu trữ trung ương; các Trung tâm Lưu trữ quốc gia; Trung tâm Tin học; Trung tâm Khoa học và Công nghệ văn thư, lưu trữ.

3. Hội đồng được phép mời các chuyên gia thuộc các ngành, lĩnh vực có liên quan tham gia tư vấn thẩm định.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc quản lý CSDL lưu trữ trên mạng

1. Các Trung tâm Lưu trữ quốc gia

a) Phát triển hệ thống CSDL lưu trữ trên mạng cục bộ của Trung tâm đáp ứng yêu cầu chuẩn thông tin đầu vào, thông tin đầu ra, tiêu chuẩn kết nối,... theo sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước; thực hiện công việc quản trị, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để duy trì, phát triển CSDL lưu trữ trên mạng cục bộ và công việc tiếp nhận, biên tập, trình duyệt, đăng tải thông tin trên mạng cục bộ;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, bảo đảm hoạt động thường xuyên, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về những vấn đề liên quan đến CSDL trên mạng cục bộ.

2. Trung tâm Tin học

a) Phát triển hệ thống CSDL lưu trữ trên mạng diện rộng đáp ứng yêu cầu chuẩn dữ liệu, tiêu chuẩn kết nối,... theo sự chỉ đạo của các cơ quan quản lý cấp trên; thực hiện công việc quản trị, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để duy trì, phát triển CSDL lưu trữ trên mạng diện rộng và công việc tiếp nhận, biên tập, trình duyệt, đăng tải thông tin trên mạng diện rộng;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, bảo đảm hoạt động thường xuyên, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về những vấn đề liên quan đến CSDL trên mạng diện rộng.

Điều 8. Nguyên tắc hiển thị dữ liệu trên mạng diện rộng

1. Trên mạng diện rộng, không hiển thị số lượng CSDL, số lượng biểu ghi thông tin tài liệu lưu trữ.

2. Trên mạng diện rộng, hiển thị tối đa 150 biểu ghi kết quả với mỗi câu hỏi tìm kiếm.

Điều 9. Thủ tục khai thác, sử dụng trên mạng cục bộ

Thủ tục cho phép khai thác, sử dụng thông tin tài liệu lưu trữ trên mạng cục bộ tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia được thực hiện như quy định cho phép khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ.

Điều 10. Lưu trữ dữ liệu trên mạng

1. Yêu cầu của hệ thống lưu trữ trên mạng:

a) Bảo đảm tính toàn vẹn và đầy đủ của dữ liệu trong suốt thời gian lưu trữ theo quy định;

b) Khi cần thiết, dữ liệu phải chuyển đổi được thành dạng dữ liệu ban đầu như trước khi lưu trữ.

2. Trách nhiệm của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và Trung tâm Tin học

a) Xây dựng giải pháp an toàn dữ liệu, phương án dự phòng khắc phục sự cố cho hệ thống nhằm bảo vệ thông tin số và các hệ thống thông tin chống lại các truy cập trái phép, bảo đảm cho các hệ thống thông tin thực hiện đúng chức năng, chính xác và tin cậy;

b) Bảo đảm các điều kiện về trang thiết bị, địa điểm, môi trường lưu trữ, bảo quản vật mang tin an toàn và khoa học;

c) Duy trì các trang thiết bị, phần mềm đồng thời với dữ liệu hoặc chuyển đổi dữ liệu phù hợp với những thay đổi của giải pháp lưu trữ để bảo đảm khai thác được dữ liệu đã lưu trữ tại mọi thời điểm;

d) Xây dựng và trình Cục ban hành quy trình lưu trữ dữ liệu số: sao lưu dữ liệu; khôi phục dữ liệu; kiểm tra, giám sát an toàn dữ liệu; phòng ngừa, khắc phục rủi ro và các nội dung khác có liên quan đến kỹ thuật lưu trữ và bảo quản dữ liệu an toàn, hiệu quả.

Điều 11. Bảo mật thông tin trên mạng

1. Thông tin trên mạng diện rộng phải được thực hiện theo các quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Mọi hoạt động quản trị CSDL lưu trữ trên mạng diện rộng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý thông tin trên mạng Internet và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 12. Bảo vệ dữ liệu trên mạng

1. Các máy tính có lưu nội dung thông tin tài liệu lưu trữ không được phép sử dụng rộng rãi, không được kết nối với mạng Internet hoặc các mạng thông tin điện tử diện rộng tương tự.

2. Mạng cục bộ phục vụ quản lý và khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia không được kết nối với mạng Internet hoặc các mạng thông tin điện tử diện rộng tương tự.

3. Đối với dữ liệu số phải lưu thành 02 bản, phải kiểm tra định kỳ 06 tháng/01 lần và phải sao lưu định kỳ ít nhất 05 năm/01 lần.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định, kinh phí thực hiện việc quản trị CSDL lưu trữ trên mạng cục bộ tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và trên mạng diện rộng của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, trong tổng dự toán chi ngân sách của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước từ các nguồn: chi thường xuyên cho sự nghiệp lưu trữ, chi thực hiện dự án tin học và các dự án khác có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện việc quản trị CSDL lưu trữ trên mạng được chi cho đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, xây dựng và nâng cấp các phần mềm, thuê bao đường truyền, tích hợp dữ liệu, sao lưu dữ liệu...

3. Mức chi được thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

Điều 14. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

2. Giám đốc các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Giám đốc Trung tâm Tin học, Trưởng phòng Nghiệp Văn thư - Lưu trữ trung ương, Giám đốc Trung tâm Khoa học và Công nghệ văn thư, lưu trữ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước để phối hợp giải quyết. /

CỤC TRƯỞNG



Vũ Thị Minh Hương

Phụ lục

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA..... Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 20.....

I. CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN CẤP I

STT	CSDL của phông/khối tài liệu lưu trữ	Số lượng trang ảnh/giờ ghi âm	Dung lượng bộ nhớ (Gigabyte)	Phương tiện lưu trữ CD.ROM/ DVD/đĩa cứng/băng từ,...	Thời gian xây dựng	Đã phục vụ khai thác sử dụng
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(6)	(7)
1						
2						
....					

II. CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN CẤP II

STT	CSDL của phông/khối tài liệu lưu trữ	Số lượng biểu ghi	Dung lượng bộ nhớ (Gigabyte)	Phương tiện lưu trữ CD.ROM/ DVD/đĩa cứng/băng từ,...	Thời gian xây dựng	Đã phục vụ khai thác sử dụng
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(6)	(7)
1						
2						
....					

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....thángnăm 20.....
Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)